

Số: **81/2022/QĐST-HNGĐ**

P, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp Hưng Tân, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông **Trương Minh H**, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Trung, xã BM, huyện P, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị N và ông Trương Minh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Trương Minh H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 229, quyền số 02, đăng ký ngày 17/9/2008 do Ủy ban nhân dân xã BM, huyện P, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị N và ông Trương Minh H không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trương Thị Như F, sinh ngày 05/4/2008 và cháu Trương Thị Gia F1, sinh ngày 14/4/2020. Hiện hai con chung đang sống với bà N.

Ông Trương Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa đủ 18 tuổi theo định kỳ hàng tháng liên tục cho mỗi người con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm ngàn đồng một tháng) kể từ ngày 16/4/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà N và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung:

+ Bà Trần Thị N và ông Trương Minh H thống nhất rút lại yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter biển số 67K1 – 391.88 do ông H đã bán, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản này.

+ Ông Trương Minh H được sở hữu 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda VAIRIO biển số 67D2 – 081.29 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 67000238 cấp ngày 06/01/2021 tên Trương Minh H. Ông Trương Minh H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trần Thị N một nửa giá trị chiếc xe là số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 16/7/2022.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về quan hệ nợ chung: Bà N và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng và phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản chung được chia là 500.000 đồng, tổng cộng bà N phải chịu 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.675.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003518 ngày 17 tháng

02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, bà N được nhận lại 1.025.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng)

+ Ông Trương Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về phân tài sản chung được chia là 500.000 đồng, tổng cộng ông H phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng);

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- UBND xã BM;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Thái Dương Thùy Dung